

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THỊ XÃ GIÁ RAI**  
**TỈNH BẠC LIÊU**  
**Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2021

*Về việc tranh chấp xin ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Phai**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Thành Nhạn**  
Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Mộng Đẹp**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 503/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số 03/TB-TA ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp 2, xã T, thị xã G, tỉnh B (*Có đơn xin vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp 2, xã T, thị xã G, tỉnh B (*Vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ông Nguyễn Văn G trình bày:*

Ông Nguyễn Văn G và bà Phạm Thị T chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1975, có tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện, tuy nhiên không đăng ký

kết hôn theo quy định của pháp luật . Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, có nhiều mâu thuẫn, có nhiều lần cự cãi, bà Tranh nhiều lần dùng lời lẽ thô tục chửi ông trước đám đông, làm mất uy tín và danh dự của ông, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vì vậy, ông Nguyễn Văn G yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đối với bị đơn bà Phạm Thị T:

Về hôn nhân ông Nguyễn Văn G yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị T. Về con chung Nguyễn Hoàng Huy, sinh năm 1982 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản ghi lời khai bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:*

Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn G chung sống vợ chồng với nhau vào khoảng năm 1980, chỉ có hai bên gia đình chứng kiến, không có đăng ký kết hôn. Đối với yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn G thì bà Tranh không đồng ý, lý do bà không làm điều gì sai trái với ông Gia, tuy nhiên vợ chồng đã mâu thuẫn khoảng 02 năm nay, ông Gia nghe lời người khác bỏ bà Tranh lúc bà bị bệnh, hiện tại giữa bà và ông Gia đã không sống chung cách nay đã 02 năm nay. Về con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Tranh theo quy định của pháp luật, nhưng bà Tranh cố tình không nhận văn bản của Tòa án nên không thể làm việc được với bà Tranh tại Tòa án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Phạm Thị T theo quy định tại Điều 178, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Ý kiến phát biểu tranh luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bà Phạm Thị T Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Tranh là đúng theo quy định tại 178, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn G có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Gia là đúng theo Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn G đối với bà Phạm Thị T. Về con chung: Không đặt ra. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án có đủ căn cứ nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Phạm Thị T theo quy định của pháp luật, nhưng bà Phạm Thị T cố tình không nhận văn bản tố tụng của Tòa án nên Tòa án không thể làm việc được với bà Tranh tại Tòa án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Phạm Thị T theo quy định tại Điều 178, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ông Nguyễn Văn G có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn G.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 1975, ông Nguyễn Văn G và bà Phạm Thị T tự nguyện sống chung vợ chồng với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn G và bà Phạm Thị T chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1975, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, căn cứ vào điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn G và bà Phạm Thị T là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Ông Gia cho rằng quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng có nhiều lần cự cãi, gia đình có nhiều lần hàn gắn nhưng không được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Quá trình xác minh địa phương cho biết giữa ông Nguyễn Văn G và bà Phạm Thị T chung sống vợ chồng với nhau, có tổ chức lễ hỏi theo phong tục địa phương nhưng vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không ai có thiện chí hàn gắn hôn nhân, vợ chồng đều bán vé số để kiếm sống. Xét thấy vợ chồng

phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau, ông Gia cương quyết ly hôn, bà Tranh thì không chịu ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, khi Tòa án triệu tập thì bà Tranh không có mặt để giải quyết tại phiên họp, phiên xét xử tại Tòa án. Dó đó nhận thấy mâu thuẫn giữa ông Gia và bà Tranh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn G được ly hôn với bà Phạm Thị T.

[2.2] Về con chung: Không đặt ra.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn G phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 228; Điều 238 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của Quốc hội.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27; tiểu mục 1.1, mục 1 phần II danh mục án phí Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn G đối với bà Phạm Thị T.

**2. Về quan hệ con chung:** Đã trưởng thành nên không đặt ra.

**3. Về quan hệ tài sản và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**4. Về án phí:** Ông Nguyễn Văn G phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn G đã dự nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002085 ngày 27/10/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai sẽ được chuyển thu án phí.

Án sử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt biết thời hạn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Phai**

Án sử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt biết thời hạn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**CHỦ TỌA**